TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2017
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Bà Lê Hồng Gấm

Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1957, có mặt.
Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Cầu N, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1956, vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn B tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào năm 1975 không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do ông B thường xuyên nhậu say về chửi mắng bà nên vợ chồng cự cải nhau, đến năm 1987 ông B bỏ nhà đi khoảng 02 năm thì quay về sống được 02 năm thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2010 ông B bỏ nhà đi, đến tháng 01 năm 2017 ông B trở về sống chung được khoảng 02 tháng thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, do ông B thường xuyên uống rượu vẫn tính nào tật nấy không chịu sửa đổi. Bà không còn tình cảm gì với ông B và đã quá sức chịu đựng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà G xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 05 người con tên Phạm Thị Bích V, sinh năm 1976, Phạm Văn H, sinh năm 1979, Phạm Thị Trúc Đ, sinh năm 1983, Phạm Thị Trúc T, sinh năm 1985 và Phạm Thị Bé N, sinh năm 1986. Các con đều đã trưởng thành nên không đăt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Phía ông Phạm Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G; về hôn nhân: Cho bà G được ly hôn với ông B; về con, tài sản và nợ chung: Không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

- *Phần kiến nghị khắc phục*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Ông Phạm Văn B được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị G và ông Phạm Văn B không có đăng ký kết hôn và sống chung với nhau từ năm 1975, trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình, công nhận hôn nhân của bà G và ông B là hôn nhân thực tế. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường hay cự cải nhau, ông B thường hay bỏ nhà đi. Hai bên đã sống ly thân nhiều lần và có lần đã trên 07 năm, sau đó hàn gắn lại nhưng cuộc sống vẫn không hòa hợp lại tiếp tục sống ly thân và ông B tiếp tục bỏ đi. Bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn. Do đó căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[4] *Về con chung*: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà Giang là con liệt sỹ và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí, căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị G được ly hôn với ông Phạm Văn B.

2. Về nuôi con chung: Các con đều đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị G được miễn tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CC THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai